

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TKD24B5**

Năm học: **24-25**

Mã MH/MĐ: **MH02073**

Học kỳ: **01**

Tên MH/MĐ: **Giáo dục QP - An ninh**

Số TC: **2**

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1			Hệ số 2				Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2453403020176	Võ Văn	An	14/01/2007			6	5.0	6.0			0.0		2.2
2	2453403020177	Bùi Thị Ngọc	Anh	03/03/2009			7	7.0	5.0			8.0		7.3
3	2453403020178	Lâm Thị Kim	Anh	15/08/2009			7	9.0	5.0			6.0		6.4
4	2453403020179	Nguyễn Trương Huỳnh	Anh	27/02/2009			7	8.0	5.0			6.0		6.2
5	2453403020180	Huỳnh Vũ Khánh	Băng	15/05/2009			8	5.0	5.0			9.0		7.6
6	2453403020181	Phan Thị Khánh	Băng	06/10/2009			7	9.0	5.0			9.0		8.2
7	2453403020182	Nguyễn Thị Kim	Châu	20/08/2009			7	7.0	5.0			6.0		6.1
8	2453403020183	Huỳnh Thị Thùy	Dương	30/01/2009			7	6.0	5.0			7.0		6.5
9	2453403020184	Lê Huỳnh	Đức	17/09/2009			8	8.0	7.0			8.0		7.8
10	2453403020185	Nguyễn Bảo	Hưng	25/07/2009			8	8.0	7.0			9.0		8.4
11	2453403020186	Lê Minh	Khải	01/10/2009			8	8.0	8.0			10.0		9.2
12	2453403020187	Bùi Minh	Khang	12/02/2009			8	6.0	7.0			9.0		8.1
13	2453403020188	Bùi Tấn	Kiệt	04/10/2009			7	6.0	6.0			8.0		7.3
14	2453403020189	Mai Phi	Long	26/02/2009			7	8.0	6.0			9.0		8.2
15	2453403020190	Nguyễn Ngọc Thảo	Ly	14/09/2009			7	8.0	6.0			7.0		7.0
16	2453403020191	Hồ Bảo	My	09/10/2009			8	8.0	8.0			9.0		8.6
17	2453403020192	Nguyễn Hoàng	Mỹ	08/05/2009			8	8.0	6.0			8.0		7.7
18	2453403020193	Trương Văn	Nam	26/06/2009			8	7.0	8.0			9.0		8.4
19	2453403020194	Trương Thị Mỹ	Ngân	23/10/2009			8	8.0	5.0			9.0		8.1
20	2453403020195	Nguyễn Thụy Bảo	Ngọc	05/11/2009			8	6.0	6.0			8.0		7.4
21	2453403020196	Trần Kim	Ngọc	12/06/2009			8	5.0	6.0			7.0		6.6
22	2453403020197	Trần Như	Ngọc	30/03/2009			7	8.0	5.0			9.0		8.0
23	2453403020198	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	06/03/2008			0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0
24	2453403020199	Huỳnh Lê Tuyết	Như	28/07/2009			8	6.0	5.0			8.0		7.2
25	2453403020200	Trần Đào Nhật	Phát	11/12/2009			7	8.0	5.0			7.0		6.8
26	2453403020201	Võ Hoàng	Phúc	11/07/2009			8	5.0	7.0			6.0		6.2
27	2453403020202	Huỳnh Thị	Soan	02/10/2009			7	8.0	5.0			8.0		7.4
28	2453403020203	Võ Văn	Tâm	14/07/2009			8	8.0	7.0			9.0		8.4
29	2453403020204	Nguyễn Quốc	Thái	11/04/2009			8	7.0	7.0			9.0		8.3
30	2453403020205	Nguyễn Duy	Thanh	07/05/2009			7	8.0	8.0			9.0		8.5
31	2453403020206	Nguyễn Thanh	Thanh	18/02/2009			0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0
32	2453403020207	Hà Thanh	Toàn	24/03/2009			8	7.0	6.0			8.0		7.5
33	2453403020208	Nguyễn Thị Thùy	Trang	17/05/2009			8	8.0	5.0			8.0		7.5
34	2453403020209	Nguyễn Thị Tường	Vy	04/04/2009			8	8.0	6.0			8.0		7.7
35	2453403020210	Dương Hải	Yến	27/04/2009			7	5.0	5.0			8.0		7.0
36	2453403020211	Huỳnh Thị Kim	Yến	04/10/2009			7	9.0	5.0			7.0		7.0

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2					Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
37	2453403020212	Nguyễn Thị Ngọc	Yến	27/01/2009				8	6.0	6.0				9.0		8.0
38	2453403020213	Võ Phi	Yến	10/09/2009				7	8.0	5.0				6.0		6.2

Châu Đốc, ngày 31 tháng 12 năm 2024

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Võ Văn Hiếu